

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ 1 MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12

Năm học 2024 – 2025

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

BÀI 1. TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định
- Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)	- Là giá trị bằng tiền (theo giá cả thị trường) của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời gian nhất định (thường là một năm).
Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người)	- Là thước đo lượng hàng hoá, dịch vụ trung bình một người dân của quốc gia có thể có, phản ánh cụ thể hơn quy mô sản lượng của quốc gia so với chỉ tiêu GDP, đồng thời phản ánh mức sống tương đối của người dân ở quốc gia đó trong một thời kì nhất định.
Tổng thu nhập quốc dân (GNI)	- Là thước đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kì nhất định, thể hiện đầy đủ hơn sự tăng trưởng về quy mô của nền kinh tế so với chỉ tiêu GDP (vì có tính thêm yếu tố ngoài lãnh thổ quốc gia).
Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người)	- Là thước đo trung bình mức thu nhập một người dân trong quốc gia thu được trong năm, thể hiện cụ thể hơn sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia, được dùng để so sánh kết quả tăng trưởng kinh tế giữa các quốc gia, đồng thời cũng được dùng làm thước đo về sự gia tăng mức thu nhập, mức sống của người dân giữa các quốc gia.

b. Vai trò của tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng đói nghèo, lạc hậu, tạo điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao phúc lợi xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, thể thao,... góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân;
- Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng, nâng cao vai trò quản lí của Nhà nước, vị thế của quốc gia.
- Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

2. Phát triển kinh tế

a. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế.

- Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đảm bảo tiến bộ xã hội.
- Các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế bao gồm:
 - + Sự gia tăng GDP, GNI, GDP/người, GNI/người.
 - + Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực: tỉ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên, tỉ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi.

+ Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: chỉ số phát triển con người HDI tăng, chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) giảm.

- Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế có quan hệ mật thiết với nhau. Tăng trưởng kinh tế chỉ là sự thay đổi về lượng của nền kinh tế, là điều kiện tiền đề cho phát triển kinh tế nhưng không phải chỉ cần tăng trưởng kinh tế là đã đạt được phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế có phạm vi rộng lớn, toàn diện hơn bao hàm cả tăng trưởng kinh tế lẫn chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến bộ xã hội. Trên cơ sở những kết quả đạt được về phát triển kinh tế, quốc gia luôn hướng tới mục tiêu tiến bộ xã hội, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

b. Vai trò của phát triển kinh tế

- Với những tác động từ kết quả tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, phát triển kinh tế đảm bảo những tiền đề vật chất cần thiết cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, văn hoá, giáo dục, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao sức mạnh và sự thịnh vượng của quốc gia.

- Phát triển kinh tế với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực góp phần nâng cao trình độ phát triển, tạo đà phát triển nhanh, vững chắc cho nền kinh tế. Với việc thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển kinh tế không chỉ tạo điều kiện vật chất mà còn tạo điều kiện đảm bảo thực hiện tiến bộ xã hội như xây dựng thể chế kinh tế tiến bộ, nâng cao năng lực tổ chức quản lý của Nhà nước, thực hiện phân phối công bằng, hợp lý,...

- Phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu đối với nước đang phát triển như Việt Nam.

3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế

- Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

- Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có quan hệ chặt chẽ với nhau:

+ Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững, điều kiện tiên quyết để thực hiện phát triển bền vững, điều kiện vật chất để nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế – xã hội. Tăng trưởng kinh tế không hợp lý có thể tạo ra những tác động tiêu cực, cản trở tiến trình phát triển bền vững của quốc gia.

+ Phát triển bền vững với những yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng cùng với thực hiện các chính sách phát triển xã hội tạo điều kiện giữ vững ổn định chính trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

BÀI 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Khái niệm và sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế

- Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

- Sự cần thiết hội nhập kinh tế quốc tế

+ Trong điều kiện toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với mọi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư.

+ Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... tận dụng thời cơ phát triển rút ngắn, thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu.

2. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

a. Các cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế

	Khái niệm	Ý nghĩa	Hình thức
Hội nhập song phương	- Là sự liên kết, hợp tác giữa hai quốc gia góp phần thúc đẩy thương mại, liên kết đầu tư, đem lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp hai nước	- Do chỉ là quan hệ giữa hai nước nên dễ đạt được những thoả thuận và nghĩa vụ, ưu đãi phù hợp, chỉ áp dụng cho hai quốc gia kí kết	- Được thực hiện thông qua các hiệp định thương mại tự do, đầu tư trực tiếp nước ngoài
Hội nhập kinh tế khu vực	- Là quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lí, văn hoá, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển	- Giúp quốc gia hợp tác kinh tế sâu rộng và toàn diện với các nước trong khu vực và thế giới, mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn.	- Thông qua các Tổ chức kinh tế khu vực, các Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực, Hiệp định đối tác kinh tế,...
Hội nhập kinh tế toàn cầu	- Là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức kinh tế toàn cầu.	- Đây là hình thức hội nhập sâu rộng nhất của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới tạo thêm nhiều cơ hội để hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức, khu vực trên toàn thế giới, mở rộng quan hệ thương mại ra thị trường toàn cầu,....	- Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quỹ tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng thế giới

b. Các hoạt động kinh tế quốc tế

- Hoạt động thương mại quốc tế: Là những hoạt động trao đổi hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia thông qua xuất, nhập khẩu, thương mại quốc tế kích thích tiêu dùng, mở rộng sản xuất, chuyên giao công nghệ và đầu tư giữa các quốc gia, nhờ đó, tạo tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Hoạt động đầu tư quốc tế: Là quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, đầu tư quốc tế giúp tăng cường nguồn vốn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế,... cho nước tiếp nhận đầu tư như Việt Nam.

- Hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ: Dịch vụ thu ngoại tệ bao gồm các dịch vụ quốc tế như du lịch, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, bảo hiểm, xuất nhập khẩu lao động, thanh toán và tín dụng,... có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế.

3. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

- Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong suốt

quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Quan điểm định hướng là chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, sâu rộng, sử dụng linh hoạt, hiệu quả nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế.

- Một số chính sách nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế: Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính; Cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài; Gia tăng mức độ liên kết giữa các tỉnh, vùng, phát huy thế mạnh của từng địa phương, khuyến khích tạo điều kiện các địa phương chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.....

BÀI 3. BẢO HIỂM

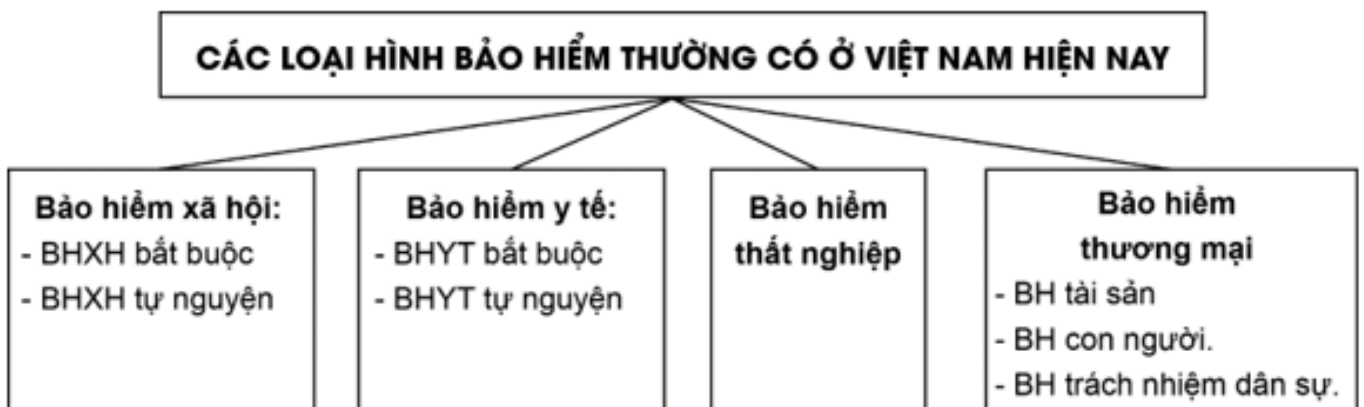
1. Khái niệm và một số loại hình bảo hiểm

a. Khái niệm và sự cần thiết của bảo hiểm.

- Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra

- Tham gia bảo hiểm nhằm giảm rủi ro trong cuộc sống, giảm bớt căng thẳng khi nằm viện, tuổi già, những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ,... Ý nghĩa cốt lõi nhất của bảo hiểm là bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ như tai nạn, bệnh hiểm nghèo, ung thư, tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn,... Điều này có nghĩa khi có biến cố bất chợt xảy đến, bảo hiểm sẽ cùng người tham gia bảo hiểm vượt qua khó khăn tài chính để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

b. Các loại hình bảo hiểm



<p>- <i>Bảo hiểm xã hội</i> là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.</p>	<p>- <i>Bảo hiểm y tế</i> là loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do Nhà nước thực hiện; theo đó, người tham gia bảo hiểm sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.</p>
<p>- <i>Bảo hiểm thất nghiệp</i> là sự bảo đảm được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.</p>	<p>- <i>Bảo hiểm thương mại</i> là hoạt động của tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện</p>

doanh xác định được những nhiệm vụ cụ thể cùng những khó khăn, thách thức để chủ động tìm ra phương cách vượt qua, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã đặt ra

- Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai. Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện. Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra. Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh

- Xác định được định hướng, ý tưởng kinh doanh.
- Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xác định chiến lược kinh doanh.
- Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược.
- Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.

3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh

- Bước 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh.
- Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh, chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý.

BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm, hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững quốc gia.

- Trách nhiệm xã hội được thực hiện qua một số hình thức cơ bản sau:

Trách nhiệm kinh tế	Tiết kiệm chi phí, đạt doanh thu, lợi nhuận cao, đảm bảo việc làm cho người lao động, cung ứng Nhiều sản phẩm chất lượng, an toàn cho khách hàng,...
Trách nhiệm pháp lí	Tuân thủ pháp luật kinh doanh; thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp thuế;...
Trách nhiệm đạo đức	Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh; làm điều đúng, chính đáng, công bằng; tránh gây hại cho con người, xã hội và môi trường,...
Trách nhiệm nhân văn	Tham gia các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, nhân đạo, đóng góp các nguồn lực cho cộng đồng,...

2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- Đối với doanh nghiệp: Thực hiện trách nhiệm xã hội mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp

như: góp phần nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin đối với công chúng, tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, nhờ đó giúp gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Đối với xã hội: Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội; góp phần bảo vệ môi trường.

BÀI 7. QUẢN LÝ CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH

1. Quản lý thu, chi và sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình

- Quản lý thu, chi là việc quản lý các khoản thu nhập, chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho các thành viên trong gia đình và phù hợp với thu nhập của gia đình.

- Sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình

+ Kiểm soát được các nguồn thu trong gia đình.

+ Theo dõi và điều chỉnh những thói quen chi tiêu không tích cực để đạt được các mục tiêu tài chính trong gia đình.

+ Chủ động thực hiện kế hoạch tài chính của gia đình.

+ Giúp cân bằng tài chính, chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro có thể xảy ra trong gia đình.

+ Nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình.

2. Xây dựng kế hoạch quản lý thu, chi trong gia đình

Bước 1. Thảo luận để xác định mục tiêu tài chính trong gia đình:

Bước 2. Xác định các nguồn thu nhập trong gia đình:

Bước 3. Thống nhất các khoản chi thiết yếu và không thiết yếu trong gia đình

Bước 4. Thống nhất tỉ lệ phân chia các khoản chi thiết yếu, không thiết yếu và tiết kiệm trong gia đình

Bước 5. Thực hiện các khoản thu, chi theo kế hoạch

Lưu ý: Trong trường hợp có những biến động làm cho thu nhập của gia đình giảm xuống (như có thành viên bị mất việc, hoạt động kinh doanh thua lỗ,...) cần điều chỉnh ngay kế hoạch chi tiêu sao cho tiết kiệm, phù hợp với mức thu nhập mới,...

II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Việc làm nào sau đây thể hiện trách nhiệm công dân về kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ?

- A. Tăng cường mua các sản phẩm nhập khẩu mà không cần quan tâm đến nguồn gốc.
- B. Hỗ trợ hoạt động kinh doanh thân thiện với môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực.
- C. Ưu tiên tiêu thụ các sản phẩm giá thành rẻ nhất mà không cần lo lắng về chất lượng.
- D. Tập trung vào tăng năng suất để thu lợi nhuận và bỏ qua yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Câu 2. Chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế thể hiện ở yếu tố nào sau đây?

- A. Sự gia tăng dân số của một quốc gia.
- B. Mức tăng tổng sản phẩm quốc nội.
- C. Số lao động tham gia sản xuất.
- D. Tổng diện tích đất được sử dụng.

Câu 3. Yếu tố nào sau đây phản ánh chỉ tiêu về tiến bộ xã hội của phát triển kinh tế?

- A. Tổng sản phẩm quốc nội.
- B. Chuyển dịch cơ cấu ngành.
- C. Tổng thu nhập quốc dân.
- D. Chỉ số phát triển con người.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây **không** phản ánh đúng bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Sự mở rộng thị trường từ phạm vi nội địa ra phạm vi quốc tế.
- B. Sự gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.
- C. Sự chia sẻ lợi ích giữa các quốc gia trong nền kinh tế thế giới
- D. Sự tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung đã được cam kết.

Câu 5. Tổ chức quốc tế nào sau đây thể hiện hình thức hội nhập kinh tế ở cấp độ toàn cầu?

- A. Liên minh châu Âu (EU)
- B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
- C. Khối thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
- D. Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC)

Câu 6. Doanh nghiệp có trách nhiệm tham gia loại hình bảo hiểm nào sau đây cho người lao động khi họ đã kí hợp đồng lao động có thời hạn một năm với doanh nghiệp?

- A. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- B. Bảo hiểm sức khoẻ.
- C. Bảo hiểm nhân thọ.
- D. Bảo hiểm phi nhân thọ.

Câu 7. Nhận định nào sau đây **không** phản ánh trách nhiệm của công dân về đảm bảo an sinh xã hội?

- A. Tôn trọng quyền được đảm bảo an sinh xã hội của người khác.
- B. Được tiếp cận, tham gia hệ thống an sinh xã hội.
- C. Tích cực tìm hiểu các thông tin về chính sách an sinh xã hội.
- D. Chủ động tham gia các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định.

Câu 8. Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân trước những nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập là một trong những nội dung cơ bản của khái niệm nào sau đây?

- A. Trật tự xã hội.
- B. Tiến bộ xã hội.
- C. An sinh xã hội.
- D. Cải cách xã hội.

Câu 9. Loại hình bảo hiểm bắt buộc nào sau đây do Nhà nước tổ chức thực hiện, chỉ tập trung vào chăm sóc sức khỏe cho người dân, không vì mục đích lợi nhuận?

- A. Bảo hiểm xã hội.
- B. Bảo hiểm y tế
- C. Bảo hiểm thất nghiệp.
- D. Bảo hiểm thương mại.

Câu 10. Yếu tố nào dưới đây **không** phải là nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh?

- A. Ý tưởng kinh doanh.
- B. Mục tiêu kinh doanh.
- C. Văn hoá kinh doanh.
- D. Chiến lược kinh doanh.

Câu 11. Trong nội dung kế hoạch kinh doanh, mục tiêu kinh doanh cần đảm bảo yêu cầu nào sau đây?

- A. Cụ thể, rõ ràng, phù hợp khả năng thực hiện và đo lường được.
- B. Thể hiện được tầm khái quát, cao hơn so với khả năng thực hiện.
- C. Không giới hạn thời gian thực hiện và đánh giá được rủi ro tiềm ẩn.
- D. Linh hoạt, có thể liên tục điều chỉnh trong môi trường kinh doanh.

Câu 12. Việc nhận diện đối thủ cạnh tranh, điểm mạnh điểm yếu của cá nhân từ đó đánh giá khái quát những thuận lợi, khó khăn khi triển khai hoạt động kinh doanh là bước xác định

- A. ý tưởng kinh doanh.
- B. điều kiện thực hiện.

B. khách hàng mục tiêu.

D. cơ hội và rủi ro.

Câu 13. Việc làm nào sau đây người điều hành doanh nghiệp cần lựa chọn để vừa mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp vừa mang lại lợi ích cho xã hội?

A. Tham gia vào các hoạt động từ thiện và hỗ trợ cộng đồng.

B. Tập trung vào hoạt động quảng cáo để thu hút khách hàng.

C. Giảm thiểu chi phí bằng cách tối ưu hóa quy trình sản xuất.

D. Tăng cường đầu tư vào các dự án kinh doanh bền vững.

Câu 14. Những chính sách và việc làm doanh nghiệp cam kết thực hiện nhằm đóng góp cho các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

B. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

C. Chính sách quản lý của doanh nghiệp.

D. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

Câu 15. Việc doanh nghiệp sản xuất sản phẩm không gây hại, đối xử công bằng với người lao động là đề cập đến hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội nào sau đây của doanh nghiệp?

A. Trách nhiệm pháp lí.

B. Trách nhiệm đạo đức.

C. Trách nhiệm từ thiện.

D. Trách nhiệm kinh tế.

Câu 16. Việc làm nào sau đây thể hiện thói quen chi tiêu trong gia đình không hợp lí?

A. Chi tiêu theo kế hoạch gia đình đã lập hàng tháng.

B. Tiêu nhiều hơn khả năng tài chính của gia đình.

C. Mua sắm chủ yếu dựa theo nhu cầu của gia đình.

D. Ghi chép chi tiết lại các khoản chi tiêu theo ngày.

Câu 17. Một doanh nghiệp cung cấp hỗ trợ tài chính và dịch vụ cho những đối tượng dễ bị tổn thương, giáo dục và y tế cho người dân, hỗ trợ người thất nghiệp tìm việc làm. Doanh nghiệp này đã thực hiện những chính sách an sinh xã hội nào sau đây?

A. Chính sách việc làm; Chính sách trợ giúp xã hội; Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.

B. Chính sách việc làm; Chính sách thu nhập và giảm nghèo; Chính sách bảo hiểm xã hội.

C. Chính sách trợ giúp xã hội; Chính sách thu nhập và giảm nghèo; Chính sách bảo hiểm xã hội.

D. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản; Chính sách trợ giúp xã hội; Chính sách bảo hiểm xã hội.

Câu 18. Một số doanh nghiệp trao thưởng cho cầu thủ và đội tuyển bóng đá Việt Nam, hành động này vừa thể hiện sự yêu mến dành cho đội tuyển, vừa là đóng góp trong việc phát triển nền bóng đá nước nhà. Nhiều doanh nghiệp được người hâm mộ trong cả nước biết đến nhờ hành động này. Nội dung thông tin nhấn mạnh đến lợi ích nào sau đây mà doanh nghiệp được hưởng nhờ thực hiện trách nhiệm xã hội?

A. Gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

B. Tạo hình ảnh xã hội của doanh nghiệp.

C. Tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

D. Mở rộng quy mô sản xuất của doanh nghiệp.

Câu 19. Hiện nay các công ty FDI đã đầu tư mạnh mẽ vào Việt Nam và đóng góp quan trọng vào các ngành công nghiệp. Tính riêng năm 2022, ba ngành hàng điện thoại, máy tính, máy móc đã tạo nên khoảng 159 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu, trong đó, khu vực FDI chiếm xấp xỉ 155 tỷ USD. Theo đó, xuất khẩu của Việt Nam đạt thành tích cao và liên tục xuất siêu nhờ đóng góp chủ yếu của FDI, trong khi đó, doanh nghiệp trong nước nhập siêu rất lớn. Nội dung thông tin cho thấy, để sử

dụng đầu tư hiệu quả. trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế các doanh nghiệp trong nước cần ngăn chặn hành vi nào sau đây?

- A. Chuyển đổi kinh tế số .
- B. Cải thiện năng lực cạnh tranh.
- C. Hình thành quan hệ phụ thuộc.
- D. Tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Câu 20. Bà V là giám đốc công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh thực phẩm. Gần đây, việc sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, các thành viên trong ban lãnh đạo công ty đề xuất một số phương án để giải quyết. Với tư cách là người điều hành doanh nghiệp, bà V **không** sử dụng đề xuất nào sau đây vì trái với trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp?

- A. Tối đa hóa doanh thu bằng cách cắt chi phí sản xuất.
- B. Không tham gia các hoạt động tình nguyện để tiết kiệm chi phí.
- C. Tìm mọi cách để lấy bí mật thương mại của đối thủ cạnh tranh .
- D. Đưa một số khoản thu ra ngoài chứng từ, hóa đơn tính thuế.

2. Câu trắc nghiệm đúng/sai Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu hỏi, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Nhờ chủ trương, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước cùng với nỗ lực của người dân địa phương, quê hương của Q đã đạt chuẩn nông thôn mới. Cuộc sống của nhiều hộ dân đang gặp khó khăn đã được ổn định nhờ những chính sách trợ giúp xã hội. Q và các bạn được học trong ngôi trường khang trang hơn, các dịch vụ y tế, văn hoá xã hội của địa phương cũng được cải thiện rõ rệt. Mô hình sản xuất kinh doanh của gia đình Q cũng nhờ đó mà có nhiều thuận lợi, thu nhập gia đình ngày càng tăng. Gia đình Q không chỉ chia sẻ kinh nghiệm, cách làm ăn của mình mà còn tạo công ăn việc làm cho nhiều hộ dân xung quanh.

- a. Các dịch vụ y tế, văn hoá xã hội của quê hương Q được cải thiện là minh chứng cho vai trò của phát triển kinh tế.
- b. Việc gia đình Q chia sẻ kinh nghiệm là việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế.
- c. Không nên sử dụng các chính sách trợ giúp xã hội để hỗ trợ các hộ dân gặp khó khăn vì sẽ làm tăng gánh nặng cho ngân sách địa phương.
- d. Gia đình Q tạo công ăn việc làm cho nhiều hộ dân xung quanh là thể hiện trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

Câu 2. Trên bản đồ xuất khẩu thủy sản thế giới, Việt Nam đang là quốc gia xuất khẩu lớn thứ 3, chiếm trên 7% thị phần của thế giới. Năm 2022, thủy sản là một trong những ngành đóng góp lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đạt hơn 10 tỷ USD. Gần đây, trước những yêu cầu mới của thị trường quốc tế, hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chấp hành tốt các quy định như dán nhãn, đảm bảo thông tin về sản phẩm đến người tiêu dùng, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng các doanh nghiệp vẫn đảm bảo chính sách về bình đẳng giới về tiền lương, chăm sóc y tế cho người lao động. Tuy nhiên, vẫn có một số doanh nghiệp đã không đảm bảo quy định về chất lượng và an toàn sản phẩm, vi phạm về kháng sinh, hóa chất bị cấm...

- a. Việc trở thành quốc gia xuất khẩu lớn thứ 3 trên thế giới và đóng góp hơn 10 tỷ USD vào tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng thủy sản là trách nhiệm phải đạt được của doanh nghiệp Việt Nam.
- b. Ngành thủy sản Việt Nam đã thể hiện sự ủng hộ chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước khi chấp hành tốt các quy định về dán nhãn, đảm bảo thông tin về sản phẩm đến người tiêu

dùng.

c. Việc không tuân thủ các quy định về an toàn sản phẩm, kháng sinh, hóa chất bị cấm là biểu hiện thiếu trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp.

d. Người điều hành các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam đảm bảo chính sách về bình đẳng giới, tiền lương và chăm sóc y tế cho người lao động thể hiện trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp.

III. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Câu 1: Em hãy kể tên các chính sách an sinh xã hội nơi em đang sống và làm rõ vai trò của các chính sách này trong việc đảm bảo cuộc sống ổn định của người dân

Câu 2: Chị Q đang học đại học tại thành phố X. Để có tiền học tập và sinh hoạt phí đồng thời giảm bớt gánh nặng kinh tế cho bố mẹ, chị Q quyết định kinh doanh trực tuyến với số tiền vốn ban đầu là 15 triệu đồng. Chị Q băn khoăn không biết sẽ lập kế hoạch kinh doanh như thế nào.

Em hãy thiết kế một bản kế hoạch kinh doanh trực tuyến giúp chị Q.

Câu 3: Em hãy liệt kê những mục tiêu tài chính về kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó trong gia đình em.

Đáp án trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
đ/a	B	B	D	A	B	A	D	C	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
đ/a	A	B	D	B	B	B	A	C	C	C

Đáp án trắc nghiệm đúng sai

Câu 1

Đ	Đ	S	S
---	---	---	---

Câu 2

S	Đ	S	Đ
---	---	---	---

